

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày 24-8-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mùa

2. Bà Lê Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 62/2022/TLST-DS ngày 19/4/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng N**;

Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện Bù Gia Mập - Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Chí C – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch và kinh doanh Ngân hàng N, chi nhánh huyện Bù Gia Mập - Bình Phước “có mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: Ông **Phan Văn H**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 10, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1977 “vắng mặt”

- Chị **Phan Thị Q**, sinh năm 1996 “vắng mặt”
- Anh **Phan Thanh H**, sinh năm 2002 “vắng mặt”
- Chị **Phan Thị Khánh L**, sinh năm 2007 “vắng mặt”

Người đại diện hợp pháp của chị L: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Chí C trình bày tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:

Vào ngày 29/3/2019 Ngân hàng N chi nhánh huyện Bù Gia Mập – Bình Phước ký kết hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-2019 1278 với ông Phan Văn H, cho ông H vay số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng), mục đích vay tiền để sử dụng cho gia đình, thời hạn vay 48 tháng, hạn trả nợ gốc chia làm 03 kỳ: Kỳ 1: trả tiền vay gốc là 700.000.000 đồng vào ngày 29/3/2021; Kỳ 2: trả tiền vay gốc là 800.000.000 đồng vào ngày 29/3/2022; Kỳ 3: trả tiền vay gốc là 800.000.000 đồng vào ngày 29/3/2023, lãi suất vay trong hạn là 10.3 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.300.000.000 đồng vào ngày 29/3/2019 cho ông H nhận.

Khi vay ông H thế chấp tại Ngân hàng N chi nhánh Bù Gia Mập – Bình Phước theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 160941/HĐTC ngày 29/3/2019 các tài sản: 1/ Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 13, diện tích 13060.9 m² tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất có GCNQSD đất số AM 261538, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 02006/CQ do UBND huyện Phước Long (cũ) cấp ngày 02/01/2009 mang tên hộ ông Phan Văn H và bà Vũ Thị H; tài sản trên đất có cây tiêu. 2/Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 13, diện tích đất 10981.0 m² tọa lạc tại thôn 9, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất có GCNQSD đất số AM 367585, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 02005/ĐS do UBND huyện Phước Long (cũ) cấp ngày 17/6/2008 mang tên hộ ông Phan Văn H và bà Vũ Thị H, tài sản gắn liền với đất có 01 căn nhà xây 01 trệt 01 lầu, diện tích 320 m² và có cây tiêu.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông H chưa trả cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền vay gốc và lãi nào. Do đó ngân hàng khởi kiện buộc ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H, chị Phan Thị Q phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền gốc vay 2.300.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn từ ngày 29/3/2019 đến ngày 24/8/2022 là 380.970.740 đồng.

Quá trình từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đề triệu tập bị đơn ông Phan Văn H, cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H, chị Phan Thị Q, anh Phan Thanh H và chị Phan Thị Khánh L đến Tòa án làm việc nhưng tất cả đều vắng mặt. Tuy nhiên tại thủ tục hòa giải do hòa giải viên tiến hành, thì ông Phan Văn H có bản tự khai đề ngày 24/02/2022, tại bản tự khai này ông H có ghi nội dung: vào ngày 29/3/2019 gia đình ông H có vay của

ngân hàng số tiền 2.300.000.000 đồng, do dịch bệnh trên cây tiêu nên chưa trả nợ cho ngân hàng, nên ông H xin gia hạn 06 tháng để gia đình ông H thanh lý tài sản trả nợ cho ngân hàng.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc vay và tiền lãi. Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng do nguyên đơn Ngân hàng N thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn ông Phan Văn H cư trú tại xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Phan Văn H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H, chị Phan Thị Q, anh Phan Thanh H và chị Phan Thị Khánh L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N:

Tài liệu, chứng cứ Ngân hàng N cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-2019 1278 ngày 29/3/2019, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 169941/HĐTC ngày 29/3/2019,...

Hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-2019 1278 ngày 29/3/2019 giữa ông H và Ngân hàng N chi nhánh huyện Bù Gia Mập được ký kết bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là đúng quy định tại các Điều 116, 117, 119, 120 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định pháp luật.

Theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-2019 1278 ngày 29/3/2019 thể hiện ông H vay của ngân hàng số tiền 2.300.000.000 đồng; mục đích vay tiền để sử dụng cho gia đình; thời hạn vay 48 tháng, từ ngày 29/3/2019 đến 24/3/2022; hạn trả nợ gốc chia làm 03 kỳ: kỳ 1: trả tiền vay gốc là 700.000.000 đồng vào ngày 29/3/2021, kỳ 2: trả tiền vay gốc là 800.000.000 đồng vào ngày 29/3/2022, kỳ 3: trả tiền vay gốc là 800.000.000 đồng vào ngày 29/3/2023; lãi suất vay trong hạn là 10.3 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.300.000.000 đồng vào ngày 29/3/2019 do ông H nhận. Do đó có căn cứ xác định việc ông H ký kết hợp đồng vay tiền với ngân hàng là có thật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chưa thanh toán cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền vay gốc và lãi nào, ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho ông H nhưng ông H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay. Theo thỏa thuận tại Điều 10 hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-2019 1278 ngày 29/3/2019 đã ký kết giữa hai bên thì phía ngân hàng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và thu hồi các khoản nợ vay trước thời hạn. Do đó việc khởi kiện của ngân hàng yêu cầu thu hồi các khoản nợ đối với ông H trước thời hạn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Do số tiền ông H vay của ngân hàng, được bà Vũ Thị H là vợ ông H và con chung của ông H bà H là chị Phan Thị Q có văn bản ủy quyền cho ông H vay tiền, do đó xác định khoản nợ của ông H là nợ chung của ông H, bà H và chị Q. Do đó cần buộc bà H, chị Q cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ngân hàng cùng với ông H số tiền gốc vay 2.300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay 29/3/2019 cho đến ngày 24/8/2022 là 380.970.740 đồng.

[4] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 160941/HĐTC ngày 29/3/2019 đã ký kết giữa ngân hàng và ông Phan Văn H là hợp pháp, đảm bảo các quy định về nội dung và hình thức, nên trường hợp ông H, bà H, chị Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện. Xét thấy đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định và án phí dân sự sơ thẩm: ông H, bà H, chị Q phải chịu do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng N

Buộc bị đơn ông Phan Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H, chị Phan Thị Q có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng N số tiền gốc vay 2.300.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính đến ngày 24/8/2022 là 380.970.740 đồng, tổng cộng tiền gốc vay và tiền lãi là 2.680.970.740 đồng (hai tỷ sáu trăm tám mươi triệu chín trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

Ông H, bà H, chị Q còn phải liên đới tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả kể từ ngày 25/8/2022 cho Ngân hàng N theo mức lãi suất đã ký kết tại hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-2019 1278 ngày 29/3/2019.

2. Ngân hàng N chi nhánh Bù Gia Mập – Bình Phước có nghĩa vụ trả lại ông H, bà H, chị Q toàn bộ bản chính giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp khi ông H, bà H, chị Q trả hết nợ.

3. Trường hợp ông H, bà H, chị Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 160941/HĐTC ngày 29/3/2019 để thu hồi nợ, bao gồm:

1/ Thừa đất số 34, tờ bản đồ số 13, diện tích 13060.9 m² tọa lạc tại thôn 10 (trước đây là thôn 9), xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 261538, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 02006/CQ do UBND huyện Phước Long (cũ) cấp ngày 02/01/2009 mang tên hộ ông Phan Văn H và bà Vũ Thị H; tài sản trên đất có 200 cây bơ trồng năm 2019, 300 cây tiêu trồng năm 2015 và 60 cây điều trồng năm 2001.

2/ Thừa đất số 33, tờ bản đồ số 13, diện tích đất 10981.0 m² tọa lạc tại thôn 10 (trước đây là thôn 9), xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 367585, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 02005/ĐS do UBND huyện Phước Long (cũ) cấp ngày 17/6/2008 mang tên hộ ông Phan Văn H và bà Vũ Thị H, tài sản gắn liền với đất có 01 căn nhà xây 01 trệt 01 lầu, diện tích 320 m² xây dựng năm 2017, 200 cây bơ trồng năm 2019, 100 cây tiêu trồng năm 2015.

Trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đủ để thanh toán thì ông H, bà H, chị Q còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho ngân hàng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng ông H, bà H, chị Q phải chịu, do Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền này nên ông H, bà H, chị Q có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng số tiền này.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 85.619.414 đồng (tám mươi lăm triệu sáu trăm mười chín nghìn bốn trăm mười bốn đồng) ông H, bà H, chị Q phải liên đới chịu.

Trả lại Ngân hàng N chi nhánh huyện Bù Gia Mập số tiền tạm ứng án phí 39.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006175 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSDN tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Ly